TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/KDTM-ST
Ngày: 10-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần
2. Ông Lê Quốc Quân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 38/2023/TLST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T.

Địa chỉ: khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Bảo L; địa chỉ: khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty). (có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty S.

Địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Trần L. địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc Công ty). (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Mai Hữu D, sinh năm 1955.

Địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Công ty S (trước đây là Công ty TNHH S - sau đây viết tắt là Công ty S) là đại lý cấp 2 của Công ty T (sau đây viết tắt là Công ty T). Từ ngày 21/12/2017 đến ngày 09/02/2021, Công ty S nhiều lần mua hàng hoá là sơn và các sản phẩm liên quan đến sơn của Công ty T, mỗi lần mua hàng thì phía Công ty S đều ghi nhận nợ và Công ty S trả dần bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt. Công ty T đã xuất các hoá đơn số 17 ngày 08/7/2020 với số tiền 19.852.096 đồng, số 20 ngày 09/7/2020 với số tiền 19.815.158 đồng, số 27 ngày 10/7/2020 với số tiền 19.729.710 đồng, số 29 ngày 11/7/2020 với số tiền 11.646.261 đồng, số 32 ngày 13/7/2020 với số tiền 17.568.320 đồng. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty S còn nợ Công ty T số tiền 35.619.848 đồng. Công ty T đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty S thanh toán nhưng phía Công ty S né tránh, không thực hiện việc trả nợ.

Do đó, Công ty T yêu cầu Công ty S thanh toán tổng số tiền 44.167.848 đồng (trong đó tiền mua hàng là 35.619.848 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ tháng 02/2021 đến nay là 8.548.000 đồng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Hữu D trình bày:

Ông Mai Hữu D là cha của ông Mai Trần L. Ông Long là người đại diện hợp pháp của Công ty S (trước đây là Công ty TNHH S). Ông Dung là người trực tiếp quản lý Công ty S và thực hiện các hoạt động mua bán giữa Công ty S và Công ty T.

Ông Dung thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn: Từ ngày 21/12/2017 đến ngày 09/02/2021, Công ty S nhiều lần mua hàng hoá là sơn và các sản phẩm liên quan đến sơn của Công ty T, mỗi lần mua hàng thì phía Công ty S đều ghi nhận nợ và Công ty S trả dần bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt. Công ty T đã xuất các hoá đơn số 17 ngày 08/7/2020 với số tiền 19.852.096 đồng, số 20 ngày 09/7/2020 với số tiền 19.815.158 đồng, số 27 ngày 10/7/2020 với số tiền 19.729.710 đồng, số 29 ngày 11/7/2020 với số tiền 11.646.261 đồng, số 32 ngày 13/7/2020 với số tiền 17.568.320 đồng. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty S còn nợ Công ty T số tiền 35.619.848 đồng, tuy nhiên, do tình hình kinh tế gặp khó khăn nên Công ty S chưa có điều kiện thanh toán cho Công ty T. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông Dung đề nghị phía Công ty T cho trả dần hàng tháng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty S theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 427/ĐKKD ngày 15/5/2023 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định Công ty S đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại khu phố T,

phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Mai Trần L. Công ty S hiện đang hoạt động, chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, tạm ngừng, giải thể.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty S thanh toán tổng số tiền 44.167.848 đồng, gồm tiền mua hàng là 35.619.848 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ tháng 02/2021 đến nay với lãi suất 10%/năm là 8.548.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Hữu D giữ nguyên quan điểm, thống nhất về số nợ của Công ty S và đề nghị được trả dần hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa là các loại sơn và các sản phẩm liên quan đến sơn. Bị đơn Công ty S có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Bị đơn Công ty S đã được tống đạt đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu về nợ gốc: Nguyên đơn Công ty T cho rằng từ ngày 21/12/2017 đến ngày 09/02/2021, Công ty S nhiều lần mua hàng hoá là sơn và các sản phẩm liên quan đến sơn của Công ty T với tổng số tiền hàng là

236.309.472 đồng, mỗi lần mua hàng thì phía Công ty S đều ghi nhận nợ và Công ty S trả dần bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt với tổng số tiền là 200.689.624 đồng, Công ty S còn nợ Công ty T số tiền 35.619.848 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty S thanh toán số tiền 35.619.848 đồng. Theo các hoá đơn bán hàng do nguyên đơn cung cấp thể hiện người nhận hàng là ông Mai Trần L và ông Mai Hữu D (là cha ông Long) ký xác nhận. Quá trình mua bán, Công ty S đã thực hiện việc thanh toán một phần tiền hàng thông qua chuyển khoản và bằng tiền mặt. Tại bản tổng hợp công nợ từ ngày 01/01/2021 đến ngày 14/01/2022 ông Mai Hữu D đã xác nhận số nợ còn lại của Công ty S là 35.619.848 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Dũng cũng thừa nhận số tiền còn nợ của Công ty S như nguyên đơn yêu cầu, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định bị đơn Công ty S còn nợ Công ty T số tiền 35.619.848 đồng. Việc bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có cơ sở.

[3.2] Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả: Công ty T yêu cầu Công ty S thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ tháng 02/2021 đến nay là 8.548.000 đồng. Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Như đã phân tích ở phần trên thì do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 26/6/2023) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 16,5%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 15,75%/năm, tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín là 19,5%/năm, tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 14,25%/năm). Nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 10%/năm với số tiền 8.548.000 đồng là thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền Công ty S phải thanh toán cho Công ty T là 44.167.848 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty S phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 44.167.848 đồng, tương đương số tiền án phí: 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn Công ty S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T tổng số tiền 44.167.848 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 35.619.848 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 8.548.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty S phải nộp số tiền 3.000.000 đồng. Hoàn trả cho Công ty T số tiền 3.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007510 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;

- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung